

# Phát triển sản xuất rau hữu cơ - một hướng đi mới của nông nghiệp Việt Nam

PHẠM BẢO DƯƠNG

**X**ây dựng một nền nông nghiệp sạch, thân thiện với môi trường và nhu cầu sử dụng sản phẩm nông nghiệp theo quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ đang ngày càng được quan tâm nhiều hơn ở những nước phát triển cũng như ở Việt Nam. Nhu cầu rau xanh ngon, chất lượng tốt, an toàn với người tiêu dùng trở nên vô cùng chính đáng và bức thiết, thúc đẩy sự ra đời và phát triển sản xuất rau theo hướng an toàn hơn, trong đó có canh tác nông nghiệp hữu cơ với ý nghĩa không dùng hoá chất độc hại và chú trọng bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, sản xuất rau hữu cơ còn duy trì và nâng cao độ màu mỡ của đất do “không sử dụng” các loại hóa chất như thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt cỏ cũng như các loại phân bón hoá học... Tuy nhiên, sản xuất rau hữu cơ vẫn còn nhiều bất cập. Mặt khác, rau hữu cơ còn xa lạ với cả người bán lẻ và người tiêu dùng nên việc mở rộng tiêu thụ sản phẩm rau hữu cơ cũng gặp rất nhiều khó khăn. Trên cơ sở hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển sản xuất rau hữu cơ, bài viết chỉ rõ các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất một số giải pháp chủ yếu để phát triển sản xuất rau hữu cơ.

## 1. Cơ sở lý luận về sản xuất rau hữu cơ

### 1.1. Khái niệm rau hữu cơ

Đến nay, chưa có một định nghĩa chính thức nào về rau hữu cơ, tuy nhiên có thể hiểu rau hữu cơ là sản phẩm sản xuất theo nguyên lý của nông nghiệp hữu cơ. Nông nghiệp hữu cơ là một hình thái của nền nông nghiệp trong đó không dùng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích tăng trưởng, giống biến đổi gen (Mai Thanh Nhân, 2011).

Sự khác biệt chính của sản xuất rau hữu cơ với sản xuất rau an toàn liên quan tới việc sử

dụng các hóa chất. Trong sản xuất hữu cơ “không được phép” sử dụng hóa chất như phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật hóa học trong quá trình sản xuất mà sử dụng phân ủ hoai mục (thành phần gồm có rơm, rạ, phân chuồng, cây họ đậu...) và áp dụng biện pháp sinh học để bảo vệ thực vật như luân canh, xen canh, cây thiên địch, cây dẫn dụ và dung dịch thuốc thảo mộc từ gừng, tỏi, ớt và rượu để diệt trừ sâu bệnh. Ngược lại, sản xuất rau an toàn “được phép” sử dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật hóa học với liều lượng nhất định.

**BẢNG 1: So sánh phương pháp sản xuất rau hữu cơ và rau an toàn**

Tiêu chí	Rau hữu cơ	Rau an toàn
<b>Đất</b>	- Được quy hoạch thành vùng và được trồng một vùng đệm thích hợp để bảo vệ khỏi nguy cơ xâm nhiễm từ bên ngoài. - Đất trồng được xét nghiệm đảm bảo không ô nhiễm bởi kim loại nặng và các hóa chất độc hại khác.	- Được quy hoạch thành vùng, có thể được cơ quan chức năng địa phương lấy mẫu xét nghiệm.
<b>Nước</b>	Được xét nghiệm để đảm bảo nguồn nước đủ tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ.	Có thể được cơ quan chức năng tại địa phương lấy mẫu xét nghiệm.
<b>Dinh dưỡng</b>	- Không được phép sử dụng phân hóa học, các chất kích thích sinh trưởng và các sản phẩm biến đổi gen. Chỉ sử dụng các đầu vào hữu cơ được kiểm soát.	Được sử dụng phân chuồng, phân vi sinh, phân bón lá các chất kích thích sinh trưởng và các loại phân bón hóa học.



Tiêu chí	Rau hữu cơ	Rau an toàn
<b>Bảo vệ thực vật</b>	Không được phép sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học, chủ yếu áp dụng quy luật đấu tranh sinh học tự nhiên để kiểm soát sâu bệnh.	Được phép sử dụng thuốc trừ sâu bệnh hóa chất có trong danh mục cho phép của bộ nông nghiệp với thời gian cách ly nhất định.
<b>Năng suất</b>	Thấp hơn 25 - 40% so với sản xuất thông thường.	Năng suất cao.
<b>Chất lượng</b>	Cây sinh trưởng phát triển tự nhiên, thời gian sinh trưởng dài hơn so với sản xuất thông thường nên tích lũy được nhiều dinh dưỡng.	Bị cưỡng ép sinh trưởng phát triển nhanh để tăng năng suất. Tích lũy được ít dinh dưỡng do thời gian sinh trưởng bị rút ngắn.

Nguồn: Vietnamorganic.vn

## 1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản xuất rau hữu cơ

### 1.2.1. Điều kiện tự nhiên

**Thời tiết khí hậu:** yêu cầu của sản xuất rau hữu cơ phải có sự ngăn cách môi trường không khí với sản xuất thông thường để tránh ảnh hưởng của các loại thuốc bảo vệ thực vật được phun từ các thửa ruộng lân cận sang khu vực sản xuất rau hữu cơ. Nước tưới trong sản xuất rau hữu cơ phải sử dụng nguồn nước ngầm hoặc nước sinh hoạt (không bị ô nhiễm kim loại nặng).

**Đất đai:** đất sản xuất rau hữu cơ yêu cầu là loại đất thịt nhẹ, tơi xốp; cách xa đường quốc lộ, khu công nghiệp, bệnh viện, nghĩa trang... để tránh những tác động xấu đến môi trường nước, không khí và nhiệt độ; thân đất cao, thoát nước tốt và ít bị ảnh hưởng của hạn hán hoặc lũ lụt.

### 1.2.2. Yếu tố kỹ thuật

**Giống:** cần lựa chọn các giống có khả năng thích nghi với điều kiện khí hậu, đất đai, chịu thâm canh, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt để đưa vào sản xuất mới đem lại năng suất và chất lượng ổn định.

**Thời vụ gieo trồng:** sản xuất rau hữu cơ thể hiện tính chất mùa vụ rõ rệt nhất bởi phương thức canh tác hữu cơ dựa vào sự tương tác của hệ sinh thái, do đó, phải bố trí đúng khung thời vụ mới đảm bảo cho cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt và đạt năng suất, chất lượng cao.

### 1.2.3. Yếu tố về kinh tế-quản lý

**Lao động:** sản xuất rau hữu cơ đòi hỏi sự thay đổi cơ bản trong phương thức canh tác, yêu cầu người nông dân phải thay đổi trước hết từ tập quán canh tác sử dụng phân hóa học "thấy cây chậm lớn là bón" hay là việc "phun thêm cho chắc" (IFPRI, 2002) trong bảo vệ thực vật; tiếp đó là khả năng tiếp nhận và vận dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Như vậy, yêu cầu họ phải đủ trình độ để hiểu bản chất sự phát triển của cây rau và sự vận động của nó trong hệ sinh thái.

**Vốn:** khác với sản xuất thông thường, sản xuất rau hữu cơ gắn chặt với điều kiện sinh thái bản địa, không cho phép sự tác động của biện pháp hóa học lên sự sinh trưởng, phát triển của cây rau. Do đó, đối với chi phí cố định thì người sản xuất cần một lượng vốn lớn đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất như nhà lưới, nhà kính (ngăn chặn côn trùng xâm nhập, điều hòa nhiệt độ, ánh sáng...), hệ thống thủy lợi...; đối với chi phí lưu động, tập trung ở chi phí phân ủ để cung cấp dinh dưỡng cho cây, trong khi canh tác thông thường dành phần lớn chi phí cho phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật hóa học, điều này dẫn đến thời điểm huy động vốn cho sản xuất rau hữu cơ cũng có sự khác biệt, tập trung chủ yếu vào giai đoạn đầu của chu kỳ sản xuất (thời điểm ủ phân và chuẩn bị giống).

**Giá sản phẩm:** sản xuất rau hữu cơ tốn nhiều công lao động hơn, thời gian sinh trưởng và phát triển của cây rau dài hơn, năng suất lại thấp hơn thông thường nên giá



cả có tác động mạnh mẽ đến quyết định sự duy trì và phát triển sản xuất. Sự biến động của giá cả theo mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp (vụ sớm và vụ muộn thường bán giá cao, lúc chính vụ lại giá thấp; được mùa rớt giá, mất mùa lại được giá...) có tác động rõ rệt đến hộ sản xuất rau hữu cơ, giá thấp dẫn đến tỷ lệ hộ sẵn sàng từ bỏ canh tác hữu cơ sang phương thức khác có thể rất lớn, ngược lại khi giá cao, việc mở rộng sản xuất chưa hẳn đã nhanh chóng.

**Cơ sở hạ tầng sản xuất:** sản xuất rau hữu cơ đòi hỏi sự đầu tư hạ tầng lớn hơn nhiều so với canh tác thông thường, bởi yêu cầu một số hạ tầng riêng biệt mà không thể “khai thác” hạ tầng sẵn có như hệ thống kênh mương (vì nghiêm cấm sử dụng nước từ sông, suối, ao hồ tự nhiên). Mỗi khu vực sản xuất rau hữu cơ bắt buộc phải xây dựng giếng đào hoặc giếng khoan; nguyên tắc không được phép sử dụng thuốc bảo vệ hóa học để diệt trừ sâu bệnh dẫn đến nhu cầu về hệ thống nhà lưới, nhà kính... ngăn chặn côn trùng cấp thiết hơn sản xuất rau thông thường.

**Thị trường tiêu thụ rau hữu cơ:** rau hữu cơ luôn có giá cao hơn các loại rau khác trên thị trường nên rất “kén khách”. Người tiêu dùng trong thị trường tiêu thụ rau hữu cơ đòi hỏi phải có thu nhập khá và cao. Các doanh nghiệp tham gia tiêu thụ sản phẩm rau hữu cơ tập trung phân phối tại các khu đô thị lớn, định hướng đối tượng người tiêu dùng có mức

sống cao sẽ đem lại kết quả kinh doanh tốt hơn.

**Chính sách của Nhà nước:** hiện nay Nhà nước vẫn chưa ban hành chính sách dành riêng cho sản xuất-tiêu thụ rau hữu cơ, điều này dẫn đến tâm lý của người sản xuất chưa ổn định, không khuyến khích đầu tư cho sản xuất, khó nâng cao tốc độ tăng trưởng và đặc biệt là chưa định hướng cho người tiêu dùng coi rau hữu cơ là một sản phẩm chính thống.

**Quy hoạch vùng sản xuất:** điều kiện đầu tiên của sản xuất rau hữu cơ là lựa chọn được vùng đủ điều kiện về tính chất đất và nguồn nước ngầm, nếu không có công tác quy hoạch, người nông dân tự xoay sở tập trung khu vực sản xuất bằng cách dồn ruộng, đổi ruộng tự phát thì sẽ không hình thành vùng sản xuất tập trung. Do đó, phát triển sản xuất rau hữu cơ phải gắn liền với công tác quy hoạch.

## 2. Phát triển nông nghiệp hữu cơ và bài học kinh nghiệm

Đến cuối năm 2009, diện tích đất nông nghiệp hữu cơ trên thế giới có 37,2 triệu ha, trong đó dẫn đầu là Châu Đại Dương đạt 12,15 triệu ha, tiếp theo là Châu Âu đạt 9,3 triệu ha, Mỹ Latinh đạt 8,6 triệu ha. Trong 10 năm, kể từ năm 2000, đất nông nghiệp hữu cơ thế giới đã tăng hơn gấp đôi, riêng Châu á phát triển vượt bậc, năm 2009 tăng gấp 59 lần năm 2000. Ước tính giá trị nông sản canh tác bằng công nghệ hữu cơ trên toàn cầu năm 2005 đạt gần 30 tỷ USD.

**BẢNG 2: Phát triển diện tích nông nghiệp hữu cơ theo khu vực, 2000-2009**

Khu vực	2000	2002	2004	2006	2008	2009
Châu Đại Dương	5,31	6,25	12,18	12,43	12,11	12,15
Châu Âu	4,5	5,8	6,35	7,27	8,27	9,26
Mỹ Latinh	3,92	5,75	5,22	4,95	8,07	8,56
Châu Á	0,06	0,42	3,78	3	3,35	3,58
Bắc Mỹ	1,06	1,26	1,72	1,79	2,58	2,65
Châu Phi	0,05	0,32	0,52	0,69	0,86	1,03
<i>Tổng cộng</i>	<i>14,9</i>	<i>19,81</i>	<i>29,76</i>	<i>30,13</i>	<i>35,23</i>	<i>37,23</i>

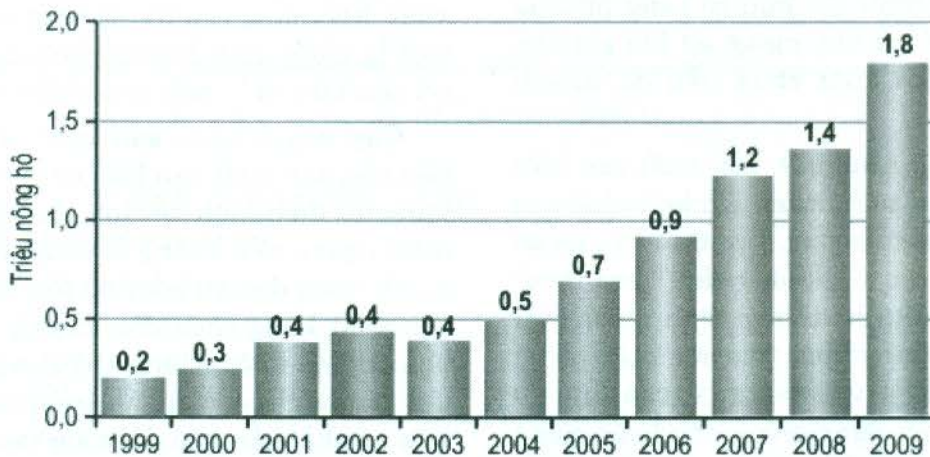
Nguồn: Tạp chí Thông tin khoa học và công nghệ (STINFO) số 10/2011.



Trên thế giới có 1,8 triệu nông hộ canh tác nông nghiệp hữu cơ vào năm 2009, tăng hơn 0,4 triệu so với năm 2008. Riêng Châu Á có gần 3,6 triệu ha đất nông nghiệp hữu cơ, chiếm 10% so với của thế giới, hơn 700.000

nông hộ tham gia sản xuất. Các quốc gia mới phát triển nông nghiệp hữu cơ trên thế giới, đồng thời đứng đầu Châu Á là Trung Quốc với 1,9 triệu ha, Ấn Độ với 1,2 triệu ha (Thanh Hà, 2012).

HÌNH 1: Số lượng nông hộ canh tác nông nghiệp hữu cơ trên thế giới



Nguồn: Tạp chí Thông tin khoa học và công nghệ (STINFO) số 10/2011.

Nông nghiệp Việt Nam với hơn 4000 năm lịch sử, là nền nông nghiệp hữu cơ bởi sự phát triển tự nhiên của nó. Thống kê của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, năm 2010 cả nước có 21.000 ha đất nông nghiệp hữu cơ, bằng 0,2% diện tích đất sản xuất nông nghiệp đóng góp doanh thu khoảng 12-14 triệu USD, trong đó diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ 7.000 ha. Các sản phẩm hữu cơ của Việt Nam đang được xuất khẩu (EU, Mỹ, Xingapo) là tôm, cá ba sa, chè, hoa quả, gia vị, với 13 tổ chức là nhóm nông dân sản xuất và doanh nghiệp được quốc tế chứng nhận đạt chuẩn để xuất khẩu sản phẩm hữu cơ. Thị trường sản phẩm hữu cơ trong nước còn khá khiêm tốn, chủ yếu ở các thành phố lớn như Hồ Chí Minh, Hà Nội. Rau hữu cơ hiện nay chỉ được tiêu thụ tại thị trường trong nước.

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam đang ở giai đoạn đầu, phát triển tự phát nên gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của nhà nước. Tuy nhiên, mức sống của người dân

ngày càng được nâng cao, nhu cầu sử dụng sản phẩm an toàn và dinh dưỡng cao trở thành xu hướng trong tương lai sẽ tạo cơ hội cho phát triển sản xuất rau hữu cơ.

*Từ lý luận và thực tiễn, rút ra bài học kinh nghiệm cho phát triển sản xuất rau hữu cơ như sau:*

*Thứ nhất*, mô hình sản xuất rau hữu cơ đem lại hiệu quả về kinh tế, với xu hướng phát triển khắp thế giới. Sản xuất rau hữu cơ đem lại hiệu quả rõ rệt về môi trường bởi canh tác hữu cơ tập trung vào cải tạo độ phì của đất và tăng cường đa dạng sinh học. Có thể thấy, đây là mô hình phát triển nông nghiệp bền vững.

*Thứ hai*, Nhà nước cần sớm công nhận các sản phẩm hữu cơ thông qua các chính sách phát triển, xây dựng tiêu chuẩn hữu cơ thống nhất và cấp giấy chứng nhận. Xem xét hình thành chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển nông nghiệp hữu cơ, có thể thí điểm xây dựng chương trình mục tiêu phát triển rau hữu cơ, trong đó xác định rõ kế



hoạch tổng thể, chi tiết, nhu cầu kinh phí với những giải pháp hết sức cụ thể.

*Thứ ba*, kiên trì hỗ trợ và hướng dẫn nông dân để họ hiểu được mục đích, ý nghĩa và lợi ích của sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Những năm đầu người sản xuất thường phải hứng chịu rất nhiều sức ép từ lựa chọn giống cây trồng có khả năng chống, chịu sâu bệnh, chi phí làm phân ủ lớn, đặc biệt là sức ép từ những người khác trong cộng đồng.

*Thứ tư*, rau hữu cơ phải được sơ chế, đóng gói và dán nhãn trước khi đưa ra thị trường. Cách tiếp thị linh hoạt: cung cấp rau hữu cơ cho đối tượng nhạy cảm trong xã hội (trường học, người bệnh ung thư), tuyên truyền trên đài phát thanh... để chứng minh sự an toàn và dinh dưỡng của sản phẩm.

*Thứ năm*, thực phẩm hữu cơ nói chung và “rau hữu cơ” nói riêng là sản phẩm còn xa lạ với người tiêu dùng. Vì vậy, cần phải có sự quan tâm hỗ trợ của nhà nước trong sản xuất và quảng bá, tuyên truyền đến người tiêu dùng sản phẩm của nền nông nghiệp hữu cơ trên các phương tiện truyền thông chính thức. Đẩy mạnh tuyên truyền cho người tiêu dùng về thực phẩm hữu cơ có thể xây dựng các hội chợ dành riêng cho sản phẩm hữu cơ.

### **3. Giải pháp phát triển sản xuất rau hữu cơ**

#### **3.1. Ban hành quy định và chính sách khuyến khích phát triển sản xuất-tiêu thụ rau hữu cơ**

Nhà nước cần sớm ban hành quy chế về sản xuất và chứng nhận rau quả hữu cơ, cùng theo đó là các quy trình sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật và cấp giấy chứng nhận. Năm 2006, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã ban hành Tiêu chuẩn ngành 10TCN602-2006 cho các sản phẩm hữu cơ tại Việt Nam nhưng nay cần chỉnh sửa và chi tiết hơn cho cây rau.

Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất rau hữu cơ cần được xây dựng đồng bộ, bao gồm các nội dung sau:

(i) Phối hợp các nguồn lực để cải thiện điều kiện canh tác tại các vùng sản xuất: giao thông, điện, cơ sở sơ chế. Tập trung ngân sách đầu tư hệ thống thủy lợi, tưới tiêu đồng bộ nhằm bảo đảm nguồn nước tưới cả về số lượng và chất lượng.

(ii) Chính sách về công tác khuyến nông và hỗ trợ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật: tăng nhanh số lượng người tham gia sản xuất rau hữu cơ được tập huấn, huấn luyện về sản xuất - tiêu thụ RHC. Bên cạnh đó, lựa chọn và xây dựng các mô hình trình diễn về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người nông dân. Các mô hình nên chú trọng về chất lượng, có thể duy trì từ 1 đến 3 vụ sản xuất để người dân thấy rõ hiệu quả kinh tế, môi trường của tiến bộ kỹ thuật đó.

(iii) Chính sách về công tác quản lý chất lượng rau hữu cơ: hỗ trợ, hướng dẫn hình thành, duy trì hệ thống giám sát nội bộ. Đầu tư ngân sách thỏa đáng để nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước trong quản lý sản xuất - kinh doanh rau hữu cơ. Nâng cao trình độ cán bộ; tạo điều kiện về kinh phí, phương tiện để hoạt động.

(iv) Chính sách thu hút và hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia sản xuất - tiêu thụ rau hữu cơ ở các vùng sản xuất tập trung.

#### **3.2. Lập quy hoạch và tổ chức quy hoạch vùng rau hữu cơ**

Cần tổ chức lập quy hoạch phát triển sản xuất rau hữu cơ gắn với quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp trong xây dựng nông thôn mới. Trong đó chú trọng tập trung diện tích sản xuất rau hữu cơ tại mỗi khu vực sản xuất ít nhất là 5ha. Thực hiện dồn điền đổi thửa, lập vùng sản xuất rau hữu cơ mới và tập trung theo quy hoạch.

#### **3.3. Đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất rau hữu cơ**

Nguồn lực cần bỏ để đầu tư cơ sở hạ tầng là rất lớn vì vậy đầu tư cơ sở hạ tầng cho vùng sản xuất cần được lựa chọn theo nguyên tắc ưu tiên. Nội dung xác định nhu cầu đầu tư tùy thuộc vào thực trạng của từng



vùng sản xuất cụ thể nhưng trong đó ưu tiên hàng đầu là bảo đảm các điều kiện để chất lượng nước tưới đúng quy định và bảo đảm hệ thống nhà sơ chế đủ công suất hoạt động theo yêu cầu sản xuất tại vùng đó. Trước mắt, tập trung đầu tư để cứng hóa đường giao thông nội đồng; hệ thống tưới - tiêu (bao gồm cả nguồn nước tưới); nhà lưới; hệ thống điện cho diện tích quy hoạch sản xuất rau hữu cơ... Đối với mô hình điểm sản xuất rau hữu cơ cần đầu tư thêm một số tiến bộ khoa học kỹ thuật như: hệ thống tưới phun sương, tưới nhỏ giọt, sản xuất giống trong khay

### **3.4. Tăng cường công tác khuyến nông và hỗ trợ kỹ thuật**

Hỗ trợ nâng cao kỹ năng sản xuất và tự duy chủ động ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất rau hữu cơ bằng các hình thức tập huấn, huấn luyện và công tác khuyến nông. Bước đầu cần phổ biến nhanh các kiến thức kỹ thuật về sản xuất, sơ chế, kinh doanh rau hữu cơ đến mọi đối tượng có liên quan bằng các hình thức tập huấn ngắn hạn. Bước tiếp theo là xây dựng đội ngũ nông dân nòng cốt để tiếp tục phổ biến lan tỏa những tiến bộ kỹ thuật về sản xuất, sơ chế rau hữu cơ.

Thực hiện giải pháp về khuyến nông cần có sự hỗ trợ của Nhà nước các cấp, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước về các khoản đầu tư công để thực hiện các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ được giao (như xây dựng mô hình trình diễn, tham dự các lớp tập huấn, hướng dẫn quy trình kỹ thuật, thông tin tuyên truyền... về rau hữu cơ).

### **3.5. Hoàn thiện các loại hình tổ chức sản xuất rau hữu cơ**

Trong thời gian tới, hai loại hình hợp tác xã sản xuất - tiêu thụ rau hữu cơ và doanh nghiệp sản xuất - tiêu thụ rau hữu cơ sẽ trở thành hai loại hình chính trong phát triển sản xuất - tiêu thụ rau hữu cơ, vì vậy những tác động để phát triển bền vững hai loại hình này cần thực hiện song song có sự phối hợp chặt chẽ của hai giải pháp: sự hỗ trợ từ phía

Nhà nước và phát huy nội lực, ý thức tự giác của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất - kinh doanh rau hữu cơ gắn với giám sát, quản lý của Nhà nước.

### **3.6. Thúc đẩy tiêu thụ rau hữu cơ**

*i) Khuyến khích phát triển các kênh phân phối rau hữu cơ.* Cần xây dựng và triển khai tốt quy hoạch hệ thống tiêu thụ từ chợ đầu mối đến các cửa hàng, quầy hàng bán lẻ. Tiến hành đa dạng hóa các kênh phân phối rau hữu cơ bao gồm các cửa hàng rau hữu cơ tại các khu dân cư tập trung, các gian hàng rau hữu cơ tại các siêu thị và phân phối trực tiếp từ các cơ sở sản xuất đến người tiêu dùng bằng các hình thức hợp đồng tiêu thụ (cá nhân, tập thể).

*ii) Hỗ trợ xây dựng, duy trì và phát triển thương hiệu rau hữu cơ* như tiêu chuẩn hóa, xây dựng và phát triển thương hiệu rau hữu cơ để góp phần nâng cao trách nhiệm người tham gia kinh doanh rau hữu cơ n phối thực phẩm chung của địa phương. Nâng cao nhận thức của các cơ sở sản xuất rau hữu cơ về tầm quan trọng của việc xây dựng, duy trì và phát triển thương hiệu cũng như nội dung bảo vệ thương hiệu.

*iii) Tiến hành các hoạt động marketing.* Tổ chức các kênh tuyên truyền, quảng bá về sản phẩm rau hữu cơ, kịp thời thông tin đến người tiêu dùng về chất lượng, địa điểm, các cơ sở kinh doanh rau hữu cơ có uy tín. Hình thức bao gói sản phẩm rau hữu cơ cần được chú trọng để thu hút người tiêu dùng. Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức các chuyến tham quan, du lịch đồng ruộng để khách hàng trực tiếp cảm nhận và tin tưởng sử dụng sản phẩm.

### **3.7. Đẩy mạnh quản lý, giám sát chất lượng rau hữu cơ**

Đưa sản xuất rau hữu cơ là nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch sản xuất nông lâm nghiệp hàng năm của các địa phương. Bố trí đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên phụ trách sản xuất rau hữu cơ đủ năng lực và trình độ quản lý, kiểm soát chất lượng rau hữu cơ từ



khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác thanh tra nội bộ định kỳ, hoặc đột xuất của các nhóm sản xuất rau hữu cơ nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của người sản xuất, đơn vị kinh doanh trong việc thực hiện các quy định về sản xuất - tiêu thụ rau hữu cơ. Phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

### **3.8. Giải pháp về vốn**

Nhà nước và chính quyền địa phương cần tạo nhiều hình thức tín dụng cho người dân vay với lãi suất thấp như: quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ hỗ nông dân, quỹ dự án cung cấp hoặc có thể vay các ngân hàng nhà nước để đầu tư phát triển sản xuất. Công tác cho vay vốn phải đảm bảo vốn vay được đầu tư có hiệu quả, tránh thất thoát sử dụng không đúng mục đích, đầu tư hiệu quả thấp, đảm bảo thu hồi vốn đúng kỳ hạn.

### **4. Kết luận**

Rau hữu cơ là một trong những hình thức canh tác hữu cơ bền vững, có vai trò tạo ra sản lượng cao và bền vững; hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón hóa học; cải thiện đất đai và môi trường; nâng cao thu nhập và giảm nghèo cho nông dân; cải thiện sức khỏe và an toàn thực phẩm. Quy trình sản xuất rau hữu cơ có khác biệt lớn với quy trình thông thường bởi quá trình canh tác “không được phép” sử dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật hóa học.

Canh tác hữu cơ trên thế giới có bước phát triển nhanh trên thế giới và trở thành xu hướng sản xuất nông nghiệp trong tương lai, tuy nhiên diện tích đất sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn thấp. Kinh nghiệm của Trung Quốc, Thái Lan và Malaisia cho thấy, nếu sản xuất nông nghiệp hữu cơ nói chung và rau hữu cơ nói riêng nhận được sự quan tâm của Nhà nước và có cách tiếp thị sản phẩm đến người tiêu dùng phù hợp thì rau hữu cơ sẽ có bước phát triển nhanh và bền vững.

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam còn rất mới mẻ, chỉ chiếm khoảng 0,2% diện tích đất sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Quy mô sản xuất tăng rất chậm; chưa có sự đa dạng về chủng loại (hầu hết là các loại rau truyền thống của địa phương). Ngoài ra, năng suất rau hữu cơ thấp hơn và thời gian sinh trưởng phát triển dài hơn so với rau thông thường. Tồn tại thực trạng này là do đặc thù của yêu cầu canh tác hữu cơ và chưa có sự áp dụng khoa học kỹ thuật lớn vào sản xuất.

Để thúc đẩy phát triển sản xuất rau hữu cơ, các giải pháp cần thực hiện tốt là: ban hành quy định và chính sách khuyến khích sản xuất-tiêu thụ rau hữu cơ; lập và tổ chức quy hoạch; đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất; tăng cường công tác khuyến nông và hỗ trợ kỹ thuật; hoàn thiện các loại hình tổ chức sản xuất; thúc đẩy tiêu thụ; đẩy mạnh giám sát chất lượng và giải pháp về vốn đầu tư công cũng như vốn hỗ trợ phát triển sản xuất rau hữu cơ./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Anh Tùng. “Phát triển nông nghiệp hữu cơ trên thế giới”, Tạp chí Thông tin khoa học và công nghệ (STINFO) số 10/2012.
2. Mai Thanh Nhân, 2011. *Nghiên cứu tình hình sản xuất và tiêu thụ rau hữu cơ của hộ nông dân trên địa bàn xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội*. Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
3. Thanh Hà, 2012. Phát triển nông nghiệp hữu cơ và vấn đề đặt ra ở nước ta hiện nay, Tạp chí Cộng sản, số 71 (tháng 11-2012).
4. IFPRI, 2002, *Fruits and Vegetables in Vietnam: Adding Value from Farmers to Consumers*, International Food Policy Research Institute, Washington, D.C. USA. (IFPRI. 2002. Rau và quả ở Việt Nam: gia tăng giá trị sản phẩm từ nhà nông đến người tiêu dùng, Viện Nghiên cứu chính sách lương thực quốc tế, bang Washington D.C., Mỹ).